

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025
Hình thức đào tạo: Đại học chính quy

I. Thông tin chung

1. Tên trường: Trường Đại học Tài chính - Kế toán (viết tắt UFA)

2. Mã trường:

- DKQ: Trường Đại học Tài chính - Kế toán (Cơ sở chính)

- HFA: Phân hiệu Trường Đại học Tài chính - Kế toán tại tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là TP Huế)

3. Địa chỉ các trụ sở

3.1.1. Cơ sở chính tại Quảng Ngãi

- Quyết định thành lập: Số 1164/QĐ-TTg ngày 13/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Địa chỉ: Số 02 Lê Quý Đôn, Thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

3.1.2. Phân hiệu tại TP Huế

- Quyết định thành lập: Số 64/QĐ-BGDĐT, ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

- Địa chỉ: Số 286 Phạm Văn Đồng, Quận Thuận Hóa, Thành phố Huế.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:

- Cơ sở chính: <https://www.tckt.edu.vn>

- Phân hiệu tại Thành phố Huế: <https://hfa.tckt.edu.vn>

5. Số điện thoại tuyển sinh:

- Tại Cơ sở chính: 0255.3845566

- Tại Phân hiệu: 0234.3676836

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh, thông tin tuyển sinh:

<https://www.tckt.edu.vn/bai-viet/danh-muc/quy-che-tuyen-sinh-4>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của Trường:

<https://www.tckt.edu.vn/bai-viet/danh-muc/ba-cong-khai-4>.

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh là học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và đạt các tiêu chí xét tuyển của Trường theo từng phương thức xét tuyển.

2. Phương thức tuyển sinh

- **Phương thức 1:** Xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo tổ hợp môn xét tuyển.

- **Phương thức 2:** Xét tuyển dựa vào kết quả môn học theo từng tổ hợp xét tuyển trong học bạ THPT (ĐTB 3 năm hoặc ĐTB năm lớp 12).

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức xét tuyển

- Ngưỡng đầu vào: Nhà trường sẽ công bố theo hướng dẫn và kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

- Điểm trúng tuyển:

+ Điểm trúng tuyển được tính trên thang điểm 30.

+ Hệ số quy đổi giữa các phương thức: Nhà trường sẽ công bố theo hướng dẫn và kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

4.1. Chỉ tiêu tại Cơ sở chính

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1	7340101	Đại trà, Ngành Quản trị kinh doanh, Kinh doanh	7340101, 73401	Ngành Quản trị kinh doanh, Kinh doanh	95	- Xét học bạ THPT (Tổ hợp: A00, A01, C01, C02, D01, X01) - Xét điểm thi THPT 2025 (Tổ hợp: A00, A01, C01, C02, D01, X01)	
2	7340120	Đại trà, Ngành Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh	7340120, 73401	Ngành Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh	45	- Xét học bạ THPT (Tổ hợp: A00, A01, C01, C02, D01, X01) - Xét điểm thi THPT 2025 (Tổ hợp: A00, A01, C01, C02, D01, X01)	
3	7340201	Đại trà, Ngành Tài chính - Ngân hàng, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	7340201, 73401	Ngành Tài chính – Ngân hàng, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	75	- Xét học bạ THPT (Tổ hợp: A00, A01, C01, C02, D01, X01) - Xét điểm thi THPT 2025 (Tổ hợp: A00, A01, C01, C02, D01, X01)	
4	7340301	Đại trà, Ngành Kế toán, Kế toán - Kiểm toán	7340301, 73403	Ngành Kế toán, Kế toán - Kiểm toán	165	- Xét học bạ THPT (Tổ hợp: A00, A01, C01, C02, D01, X01) - Xét điểm thi THPT 2025 (Tổ hợp: A00, A01, C01, C02, D01, X01)	
5	7380107	Đại trà, Ngành Luật kinh tế, Luật	7380107, 73801	Ngành Luật kinh tế, Luật	75	- Xét học bạ THPT (Tổ hợp: A00, C00, C01, C02, D01, X01) - Xét điểm thi THPT 2025 (Tổ hợp: A00, C00, C01, C02, D01, X01)	

4.2. Chỉ tiêu tại Phân hiệu

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
6	7340101	Đại trà, Ngành Quản trị kinh doanh, Kinh doanh	7340101, 73401	Ngành Quản trị kinh doanh, Kinh doanh	50	- Xét học bạ THPT (Tổ hợp: A00, A01, C01, C02, D01, X01) - Xét điểm thi THPT 2025 (Tổ hợp: A00, A01, C01, C02, D01, X01)	
7	7340301	Đại trà, Ngành Kế toán, Kế toán - Kiểm toán	7340301, 73403	Ngành Kế toán, Kế toán - Kiểm toán	100	- Xét học bạ THPT (Tổ hợp: A00, A01, C01, C02, D01, X01) - Xét điểm thi THPT 2025 (Tổ hợp: A00, A01, C01, C02, D01, X01)	
8	7380107	Đại trà, Ngành Luật kinh tế, Luật	7380107, 73801	Ngành Luật kinh tế, Luật	50	- Xét học bạ THPT (Tổ hợp: A00, C00, C01, C02, D01, X01) - Xét điểm thi THPT 2025 (Tổ hợp: A00, C00, C01, C02, D01, X01)	

Tổ hợp và trọng số đóng góp của từng môn trong tổ hợp:

- Tổ hợp A00: Toán (0,34) - Lý (0,33) - Hóa (0,33).
- Tổ hợp A01: Toán(0,34) - Lý(0,33) - Anh(0,33).
- Tổ hợp D01: Toán(0,34) - Văn(0,33) - Anh(0,33).
- Tổ hợp C00: Văn(0,34) - Sử(0,33) - Địa(0,33).
- Tổ C01: Toán(0,34) - Văn(0,33) - Lý(0,33).
- Tổ C02: Toán(0,34) - Văn(0,33) - Hóa(0,33).
- Tổ hợp X01: Toán(0,34) - Văn(0,33) - GD Kinh tế và pháp luật (0,33)

5. Nguyên tắc xét tuyển

Áp dụng đối với cả 2 phương thức (xét điểm thi tốt nghiệp THPT, xét kết quả học tập từ học bạ THPT):

- Xét tuyển từ thí sinh có tổng điểm cao nhất xuống các thí sinh có tổng điểm thấp hơn cho đến khi đủ chỉ tiêu đã xác định.

- Đối với thí sinh trong cùng đợt xét tuyển có đăng ký nhiều nguyện vọng vào các ngành học khác nhau, Trường sẽ xét các nguyện vọng bình đẳng như nhau để đảm bảo thí sinh có thể trúng tuyển nguyện vọng phù hợp nhất.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Hồ sơ xét tuyển

a. Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025:

*** Đợt 1 (theo lịch chung của Bộ GDĐT):** Thí sinh đăng ký xét tuyển trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GDĐT.

*** Đối với các đợt bổ sung,** Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển từ điểm thi tốt nghiệp THPT theo mẫu của Trường;
- Bản sao giấy chứng nhận kết quả thi THPT 2025 (có chứng thực).
- Bản sao học bạ THPT (có chứng thực);
- Bản sao Bằng tốt nghiệp THPT (có chứng thực) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (nếu chưa được cấp bằng tốt nghiệp THPT);
- Bản sao giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên, nếu có (có chứng thực);

b. Đối với phương thức xét tuyển từ học bạ THPT

*** Đợt 1 (theo lịch chung của Bộ GDĐT):** Thí sinh đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống xét tuyển chung của Bộ GDĐT.

*** Đối với các đợt bổ sung,** Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:

- Phiếu đăng ký xét học bạ theo mẫu của Trường;
- Bản sao học bạ THPT (có chứng thực);
- Bản sao Bằng tốt nghiệp THPT (có chứng thực) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (nếu chưa được cấp bằng tốt nghiệp THPT);
- Bản sao giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên, nếu có (có chứng thực).

Thí sinh nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Trường theo các địa chỉ sau:

+ **Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Đại học Tài chính - Kế toán:** Số 02 Lê Quý Đôn, Thị trấn La Hà, Huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi.

+ **Phân hiệu Trường Đại học Tài chính - Kế toán tại TP Huế:** Số 286 Đường Phạm Văn Đồng, Quận Thuận Hóa, Thành phố Huế.

6.2. Thời gian dự kiến nhận hồ sơ

- Đợt 1: Theo lịch tuyển sinh đợt 1 của Bộ GDĐT
- Đợt 2: Nhận hồ sơ từ 21/8 đến 15/9/2025
- Đợt 3: Nhận hồ sơ từ 16/9 đến 30/9/2025

Nhà trường có thể điều chỉnh lịch xét tuyển các đợt xét tuyển phù hợp với tình hình thực tế và lịch tuyển sinh của Bộ GDĐT. Lịch xét tuyển sẽ được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Trường www.tckt.edu.vn.

7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

7.1. Chính sách ưu đãi cho thí sinh có điểm thi tuyển sinh cao (không tính điểm ưu tiên)

- Đối tượng được hưởng: Thí sinh có tổng điểm các môn thi của tổ hợp xét tuyển từ 24 điểm trở lên (đối với xét điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025) và 27 điểm trở lên (đối với xét điểm học bạ).

- Chính sách ưu đãi:

+ Năm học đầu tiên:

* Thí sinh có tổng điểm các môn thi tốt nghiệp THPT 2025 của tổ hợp xét tuyển từ 24 điểm đến dưới 27 điểm hoặc tổng điểm các môn của tổ hợp xét tuyển xét theo học bạ lớp 12 THPT từ 27 điểm trở lên: Được cấp học bổng bán phần (trị giá 50% học phí năm thứ nhất);

* Thí sinh có tổng điểm các môn thi tốt nghiệp THPT 2025 của tổ hợp xét tuyển từ 27 điểm trở lên Được cấp học bổng toàn phần (trị giá 100% học phí năm thứ nhất), được miễn phí phòng ở ký túc xá theo quy định của trường, được ưu tiên xét nhận học bổng do cá nhân/ tổ chức tài trợ cho sinh viên có thành tích học tập xuất sắc và kết quả rèn luyện tốt;

+ Các năm tiếp theo thực hiện theo chính sách học bổng khuyến khích học tập của Trường nếu sinh viên đáp ứng điều kiện.

7.2. Chính sách học bổng khuyến học

Sinh viên có kết quả học tập (theo từng học kỳ) từ loại Khá trở lên và kết quả rèn luyện tốt sẽ được tham gia xét học bổng theo quy định về xét cấp học bổng khuyến khích học tập của Trường.

7.3. Chính sách miễn giảm học phí

Trường thực hiện việc miễn giảm học phí cho sinh viên thuộc diện chính sách theo quy định của Nhà nước.

7.4. Chính sách hỗ trợ sinh viên thuộc gia đình nghèo và có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

- Trợ cấp xã hội theo tháng/ học kỳ cho sinh viên thuộc gia đình hộ nghèo.
- Ưu tiên trong việc xét nhận học bổng do các cá nhân/ tổ chức tài trợ.
- Ưu tiên sắp xếp chỗ ở trong ký túc xá của Trường.

8. Lệ phí xét tuyển: 20.000 đồng/1 hồ sơ.

9. Nhà trường cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: Nhà Trường cam kết đảm bảo quyền lợi chính đáng của tất cả thí sinh.

10. Học phí và lộ trình tăng học phí

Nhà trường thu học phí theo quy định của Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày

31/12/2023 của Chính phủ đối với các trường đại học công lập:

- Năm học 2025 - 2026: Học phí 1.590.000đ/tháng (451.000đ/tín chỉ).
- Năm học 2026 - 2027: Học phí 1.790.000đ/tháng (508.000đ/tín chỉ).
- Các năm học tiếp theo Trường thu học phí theo quy định của Chính phủ đối với các trường đại học công lập.
- Học phí toàn khóa học (Dự kiến): 75.000.000 đ

11. Thông tin về tuyển sinh của hai năm gần nhất

TT	Tên chương trình, Ngành, Nhóm ngành	Mã ngành, Nhóm ngành	Phương thức xét tuyển	Năm 2023			Năm 2024		
				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Đại trà, Ngành Quản trị kinh doanh, Kinh doanh	7340101, 73401	Xét kết quả học tập bậc THPT (Học bạ)	50	41	18	50	18	18
2	Đại trà, Ngành Quản trị kinh doanh, Kinh doanh	7340101, 73401	Xét kết quả thi TN THPT	45	18	15	45	13	15
3	Đại trà, Ngành kinh doanh quốc tế, Kinh doanh	7340120, 73401	Xét kết quả học tập bậc THPT (Học bạ)	25	6	18	25	6	18
4	Đại trà, Ngành kinh doanh quốc tế, Kinh doanh	7340120, 73401	Xét kết quả thi TN THPT	20	3	15	20	16	15
5	Đại trà, Ngành Tài chính - Ngân hàng, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	7340201, 73402	Xét kết quả học tập bậc THPT (Học bạ)	40	17	18	40	22	18
6	Đại trà, Ngành Tài chính - Ngân hàng, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	7340201, 73402	Xét kết quả thi TN THPT	35	10	15	35	16	15
7	Đại trà, Ngành Kế toán, Kế toán - Kiểm toán	7340201, 73402	Xét kết quả học tập bậc THPT (Học bạ)	85	48	18	85	75	18
8	Đại trà, Ngành Kế toán, Kế toán - Kiểm toán	7340201, 73402	Xét kết quả thi TN THPT	80	51	15	80	59	15
9	Đại trà, Ngành Luật kinh tế, Luật	7380107, 73801	Xét kết quả học tập bậc THPT (Học bạ)	40	19	18	40	23	18
10	Đại trà, Ngành Luật kinh tế, Luật	7380107, 73801	Xét kết quả thi TN THPT	35	10	15	35	15	15



HIỆU TRƯỞNG
TS. Phạm Sỹ Hùng